

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HƯNG
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2025/DS-ST

Ngày: 23-6-2025

V/v tranh chấp “Hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HƯNG – TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Sắc.

2. Ông Trần Thanh Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Bé Thơ – Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 142/2024/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp “Hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2024/QĐXXST-DS, ngày 14 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị L, sinh năm: 1973.

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện T, Long An (có mặt).

2. *Bị đơn:* - Bà Đỗ Thị B, sinh năm 1975.

- Ông Ngô Văn C, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện T, Long An (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị L trình bày:

Từ năm 2009 – 2016, bà Đỗ Thị B, ông Ngô Văn C có tham gia nhiều dây hụi 3.000.000 đồng và 5.000.000 đồng do bà làm đầu thảo cụ thể:

- Dây 01: Ngày mở hụi ngày 21/03/2009 (25/2/2009 al), hụi 3.000.000 đồng gồm 19 phần, bà B, ông C tham gia 01 phần, bà B hốt lần thứ 1, bỏ hụi 1.760.000 đồng, lĩnh được số tiền 27.280.000 đồng, sau khi lĩnh hụi bà B đóng được 18 lần hụi chết, còn nợ lại 3 lần hụi chết x 3.000.000 đồng = 9.000.000 đồng.

- Dây 02: Ngày mở hụi 09/4/2010 (25/6/2010 al), hụi 5.000.000 đồng gồm 17 phần bà C1, ông C tham gia 01 phần bà B hốt lần thứ 02, bỏ hụi 3.010.000 đồng, lĩnh được số

tiền 50.150.000 đồng, sau khi lĩnh hụi bà B đóng được 13 lần hụi chết còn lại 02 lần hụi chết x 5.000.000 đồng = 10.000.000 đồng.

- Dây 03: Ngày mở hụi 27/4/2011 (25/3/2011 al), hụi 3.000.000 đồng gồm 22 phần, bà B tham gia 03 phần, bà B hốt hết 03 phần và đóng hụi được 21 lần, còn nợ lại 01 lần hụi chết 01/01 phần: 03 phần x 3.000.000 đồng = 9.000.000 đồng.

- Dây hụi 04: Ngày mở hụi 21/7/2014 (25/6/2014 al), hụi 5.000.000 đồng gồm 25 phần bà B, ông C tham gia 01 phần, bà B hốt hụi lần thứ 01, bỏ hụi 2.810.000 đồng, sau khi hốt hụi đóng được 16 lần hụi chết, đến nay hụi đã mãn bà B còn nợ lại 07 lần x 5.000.000 đồng = 35.000.000 đồng.

- Dây hụi 5: Ngày mở hụi 13/4/2015 (25/02/2015 al), hụi 5.000.000 đồng, gồm 30 phần bà B tham gia 01 phần, bà hốt lần thứ 05, sau hốt hụi đóng được 04 lần hụi chết, còn lại 14 lần hụi chết chưa đóng x 5.000.000 đồng = 70.000.000 đồng.

- Dây hụi 6: Ngày mở hụi 13/4/2015 (B1), hụi 5.000.000 đồng, gồm 30 phần bà B tham gia 01 phần, bà hốt lần thứ 01, sau hốt hụi đóng được 04 lần hụi chết, còn lại 13 lần hụi chết x 5.000.000 đồng = 65.000.000 đồng.

Dây hụi 7: Ngày mở hụi 01/5/2016 (B2), hụi 5.000.000 đồng, gồm 16 phần bà B tham gia 01 phần, bà B hốt lần thứ 03, sau khi hốt hụi bà B đóng được 02 lần hụi chết, còn lại 10 lần hụi chết chưa đóng x 5.000.000 đồng = 50.000.000 đồng.

- Dây hụi 8: Ngày mở hụi 01/5/2016 (B2), hụi 5.000.000 đồng, gồm 16 phần bà B tham gia 01 phần, bà B hốt lần thứ 03, sau hốt hụi đóng được 02 lần hụi chết, còn nợ lại 10 lần hụi chết x 5.000.000 đồng = 50.000.000 đồng.

Tổng cộng 08 dây hụi bà B, ông C còn nợ bà số tiền 234.000.000 đồng, sau đó bà B, ông C có trả cho bà nhiều lần tổng cộng được số tiền 30.000.000 đồng, bà đồng ý khấu trừ vào phần tiền hụi. Nay bà L yêu cầu bà B, ông C phải liên đới trả cho bà số tiền hụi còn nợ là 204.000.000 đồng.

Tại phiên tòa bà B, ông C trình bày: Thừa nhận có tham gia 08 dây hụi như phía bà L trình bày, quá trình tham gia hụi và lĩnh hụi ông, bà có dây hụi chết, có dây hụi sống, phần hụi sống ông, bà đã đóng là 154.000.000 đồng. Nay ông C, bà B đồng ý trả số tiền 204.000.000 đồng cho bà L nhưng yêu cầu bà L phải trả cho ông, bà số tiền 154.000.000 đồng các phần hụi của ông, bà còn sống.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán là đúng theo quy định; Hội đồng xét xử đều đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng quy định, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu của bà L về số tiền hụi: Bà L yêu cầu ông C, bà B phải liên đới trả cho bà L tổng số tiền hụi chết là 204.000.000đ (Hai trăm lẻ bốn triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi suất là có cơ sở chấp nhận vì: Bà L làm đầu thảo ông C, bà B có tham gia 08 dây hụi, ông C, bà B đã hốt 08 dây hụi nhận tiền, có đóng hụi chết nhưng sau đó ông C, bà B không đóng hụi chết lại cho bà, ông C, bà B còn nợ bà L tổng số tiền hụi chết là 234.000.000 đồng và căn cứ vào giấy nợ hụi ngày 11/4/2020 có chữ ký của bà B thể hiện bà B còn nợ tổng số tiền hụi bà L là 234.000.000 đồng. Sau đó, ông C, bà B có trả được cho bà L số tiền 30.000.000 đồng. Ông C, bà B còn nợ lại bà L số tiền 204.000.000 đồng. Mặt khác, ông C, bà B đồng ý liên đới trả cho bà L số tiền 204.000.000 đồng. Ông C, bà B là vợ chồng hợp pháp, vợ chồng có nghĩa vụ ngang nhau về mọi mặt, ông C, bà B tham gia nhiều dây hụi với bà L để phục vụ

cuộc sống gia đình. Do đó, buộc ông C, bà B phải liên đới trả cho bà L tổng số tiền hui chết là 204.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 13, Điều 18 NBĐ 19/2019 của Chính phủ Nghị định họ, hui, biên, phường và Điều 471 Bộ luật dân sự 2015 và Điều 27, 37 Luật HNGĐ năm 2014.

Ông C, bà B thừa nhận còn nợ bà L số tiền 204.000.000 đồng và đồng ý trả cho bà L số tiền 204.000.000 đồng là sự tự nguyện nên được ghi nhận.

Từ những nhận định trên xét thấy yêu cầu của bà L là có căn cứ xem xét chấp nhận theo quy định tại 471 BLDS năm 2015 và Điều 27, 37 Luật HNGĐ năm 2014 và Điều 13, Điều 18 NBĐ 19/2019 của Chính phủ Nghị định họ, hui, biên, phường.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Bà Trần Thị L khởi kiện yêu cầu bà Đỗ Thị B, ông Ngô Văn C phải liên đới trả tiền hui theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp trong vụ kiện này là tranh chấp “Hui” nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

2. Về nội dung vụ án:

Bà Trần Thị L yêu cầu bà Đỗ Thị B, ông Ngô Văn C phải liên đới trả số tiền hui chết tham gia hui trong thời gian 2009-2016, 08 dây hui 3.000.000 đồng, 5.000.000 đồng, tiền hui chết còn nợ là 234.000.000 đồng. Bà B, ông C thừa nhận còn nợ tiền hui bà L nhưng yêu cầu được khấu trừ số tiền hui sống là 154.000.000 đồng.

3. Nhận định của Hội đồng xét xử:

[3.1] Căn cứ vào biên nhận ngày 11/4/2020 bà B thừa nhận bà còn nợ L số tiền 234.000.000 đồng, có chữ ký hai bên.

[3.2] Bà L đã cung cấp cho Tòa án 08 tờ giấy theo dõi hui và lời trình bày bà L tại phiên tòa thì số tiền của 08 dây hui phải đóng hui chết phù hợp với số tiền làm biên nhận ngày 11/4/2020.

[3.3] Tại phiên tòa, bà B, ông C cũng thừa nhận còn nợ số tiền hui 234.000.000 đồng của bà L, bà L thừa nhận ông C, bà B có đóng được số tiền 30.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Từ [3.1] – [3.3] xét thấy bà Đỗ Thị B, ông Ngô Văn C còn nợ hui chết của bà L số tiền 204.000.000 đồng.

[3.4] Bà Đỗ Thị B, ông Ngô Văn C yêu cầu được khấu trừ số tiền 154.000.000 đồng hui sống nhưng ông C, bà B không đơn khởi kiện để được xem xét trong vụ án, tại phiên tòa ông C, bà B thống nhất sẽ khởi kiện bằng một vụ kiện khác, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.5] Bà L thống nhất không tính lãi suất chậm thi hành án nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.6] Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng là có căn cứ chấp nhận.

[3.7] Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Do toàn bộ yêu cầu của bà L được chấp nhận nên bà B, ông C phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Thị L không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 280, 357 và Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị định số: 19/2021/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L đối với bà Đỗ Thị B, ông Ngô Văn C về việc tranh chấp “Hội”.

Bà Đỗ Thị B, ông Ngô Văn C có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị L số tiền 204.000.0000 đồng (Hai trăm lẻ bốn triệu đồng).

Không tính lãi chậm thi hành án dân sự.

2. Về án phí:

Bà Đỗ Thị B, ông Ngô Văn C phải liên đới chịu 10.200.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Thị L không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà Trần Thị L 5.850.000 đồng tiền tạm ứng án đã nộp theo biên lai thu số 0002198 ngày 14 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện/tỉnh;
- Chi cục THADS;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngô Văn Thành